

KẾ HOẠCH NHIỆM VỤ NĂM HỌC 2016-2017

I. CĂN CỨ VÀ BỐI CẢNH XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

1.1. Căn cứ xây dựng kế hoạch

1.1.1. Kế hoạch phát triển 5 năm phát triển Trường Đại học Đại Nam giai đoạn 2012 – 2017

1.1.2. Các Bộ tiêu chuẩn kiểm định: Bộ tiêu chuẩn kiểm định của AUN-QA; Bộ tiêu chuẩn kiểm định của Bộ Giáo dục và Đào tạo

1.1.3. Tình hình thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học 2015-2016 và thực trạng nguồn lực của Trường.

1.2. Dự báo bối cảnh phát triển

1.2.1. Việt Nam đang bắt đầu quá trình chuyển đổi từ phương thức phát triển kinh tế theo chiều rộng, dựa vào nguồn lực giá rẻ là chính sang phương thức phát triển kinh tế theo chiều sâu dựa trên sự phát triển kỹ thuật, công nghệ và năng suất lao động cao. Quá trình đó đặt ra nhiều thách thức về chất lượng và hiệu quả cho các trường đại học trong hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học.

1.2.2. Cạnh tranh giữa các trường đại học trong việc nâng cao chất lượng đào tạo và thu hút người học ngày càng gay gắt. Đảm bảo chỉ tiêu tuyển sinh, duy trì quy mô đào tạo và chất lượng đầu vào đang là thách thức rất lớn đối với tất cả các trường đại học, đặc biệt là các trường đại học ngoài công lập.

1.2.3. Sau 10 năm phát triển, Trường ĐHN đã đạt được một số kết quả phát triển ban đầu và tạo dựng được các điều kiện cần thiết cho sự phát triển ổn định và bền vững trong dài hạn.

II. PHƯƠNG HƯỚNG VÀ CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM HỌC

2.1. Phương hướng phát triển

2.1.1. Phát triển mang tính đột phá nhưng bền vững, có trọng tâm, trọng điểm theo hướng chất lượng từ đó nâng cao vị thế và uy tín của Trường.



2.1.2. Chuyên nghiệp và văn hóa cộng đồng; Sản phẩm đầu ra... là những thước đo của mọi hoạt động trong Nhà trường, đặc biệt là hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học.

2.1.3. Tiếp tục đổi mới quản trị đại học, xây dựng cơ chế chính sách phù hợp nhằm khuyến khích, động viên toàn thể cán bộ, giảng viên trong trường đoàn kết, hăng hái, say mê và sáng tạo trong việc thực hiện các nhiệm vụ của Trường.

2.1.4. Luôn luôn coi việc thu hút, sử dụng, đào tạo và bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao là điều kiện tiên quyết để trường có thể thực hiện được các mục tiêu đặt ra.

2.2. Các nhiệm vụ trọng tâm

- Đổi mới chương trình đào tạo và phương pháp giảng dạy, tăng tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp, tỷ lệ sinh viên đạt loại khá trở lên, tỷ lệ sinh viên ra trường có việc làm
- Phân đấu hoàn thành chỉ tiêu tuyển sinh năm học 2016 – 2017, nâng cao chất lượng tuyển sinh trong đó đặc biệt chú trọng chất lượng tuyển sinh cho khối ngành sức khỏe
- Xây dựng phương pháp giảng dạy tích cực
- Đảm bảo 100% các đề tài nghiên cứu khoa học các cấp được nghiệm thu đúng hạn; ưu tiên phát triển các đề tài nghiên cứu có tính ứng dụng cao, các đề tài đặt hàng của các tổ chức, doanh nghiệp
- Mở rộng hợp tác quốc tế nhằm trao đổi sinh viên, tạo điều kiện để sinh viên của Trường có cơ hội học tập hoặc thực tập thực tế ở các trường đại học nước ngoài đồng thời thu hút sinh viên nước ngoài vào học ở Trường Đại học Đại Nam

III. CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM HỌC 2016-2017

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2015-2016	Kế hoạch 2016-2017	Ghi chú
I	ĐÀO TẠO				
1.1	Tuyển sinh				
	a) Đại học	SV	1020	1700	
	b) Sau đại học				
	- Thạc sĩ	HV	310	400	
1.2	Quy mô đào tạo các hệ		5943		
	Trình độ Thạc sĩ	HV	493		

	Trình độ đại học	SV	2813		
	Trình độ liên thông	SV	2637		
1.3	Tốt nghiệp				
	a) Tỷ lệ SV tốt nghiệp	%	74,07%	70%	
	- Tỷ lệ SV tốt nghiệp đạt loại khá trở lên	%	57,5%	60%	
	b) Thời gian tốt nghiệp trung bình của sinh viên				
	Trình độ Đại học	năm			
	a) Hệ đào tạo 4 năm	năm	3,83	4,1	
	b) Hệ đào tạo 5 năm	năm	5,02	4,5	
1.4	Việc làm				
	a) Tỷ lệ sinh viên có việc làm sau 1 năm ra trường	%	93,37%	85%	
	b) Tỷ lệ sinh viên có việc làm đúng ngành sau 1 năm ra trường	%	47%	45%	
1.5	Ngành/ chuyên ngành đào tạo				
	Số chuyên ngành đào tạo trình độ đại học mở mới	CN	2	1	
	Số chuyên ngành đào tạo trình độ Thạc sĩ mở mới	CN	2		
1.6	Số chương trình đào tạo rà soát được ban hành				
	Thạc sĩ	CT	2		
	Cử nhân	CT	8	2	
	Liên thông	CT		2	
1.7	Đào tạo theo phương thức tín chỉ				
	Số ĐCMH theo tín chỉ trình độ Thạc sĩ được ban hành	ĐC	28		
	Số ĐCMH theo tín chỉ trình độ cử nhân được ban hành	ĐC	277	76	
	Số ĐCMH theo tín chỉ trình độ liên thông được ban hành	ĐC		82	
1.8	Giáo trình, học liệu				

	a) Sổ giáo trình được biên soạn	Cuốn			
	b) Sổ sách CK được biên soạn	Cuốn			
	c) Sổ đầu sách được mua ở nước ngoài	Cuốn			
1.9	Đào tạo phục vụ cộng đồng				
	Số lượng chương trình đào tạo theo hướng tích cực đem lại lợi ích cho xã hội	CT	2	3	
	Đào tạo các khóa học ngắn hạn	KH/năm	5	6	
1.10	Tư vấn chia sẻ kinh nghiệm				
	Hội thảo	HT/năm	2	3	
	Tư vấn hướng nghiệp	Lần/năm	2	3	
II	NGHIÊN CỨU KHOA HỌC				
2.1	Đề tài NCKH giảng viên	ĐT			
	Đề tài NCKH cấp trường	ĐT		2	
	Đề tài NCKH cấp khoa	ĐT		25	
2.2	Xuất bản tạp chí	Bài			
	Tạp chí quốc tế	Bài		1	
	Tạp chí trong nước	Bài		8	
	Kỷ yếu hội thảo quốc tế	Bài		1	
	Kỷ yếu hội thảo trong nước	Bài			
2.3	Giáo trình, tài liệu tham khảo				
	Giáo trình	GT		31	
	Tài liệu tham khảo	TL		21	
2.4	Hội thảo, Hội nghị khoa học				
	a) Số Hội thảo trong nước và quốc tế được tổ chức	HT			
	- Hội thảo quốc gia				
	- Hội thảo quốc tế				
	b) Số Hội thảo cấp trường	HT		2	
	c) Số Hội thảo cấp khoa	HT		15	

	d) Số kỷ yếu Hội thảo được xuất bản	Kỷ yếu			
2.5	Nghiên cứu khoa học sinh viên				
	a) Số công trình NCKH của SV	CT	23	38	
	b) Giải thưởng SV NCKH	GT			
2.6	Ứng dụng, chuyển giao kết quả NCKH				
	Số công trình NCKH có kết quả NC có địa chỉ ứng dụng và chuyển giao	CT			
2.7	Nghiên cứu khoa học phục vụ cộng đồng				
	Đối với giảng viên	ĐT/năm		1	
	Đối với sinh viên	ĐT/năm		30	
III	HỢP TÁC QUỐC TẾ				
	Phát triển đối tác			6	
	a) Số đối tác quốc tế ký thỏa thuận hợp tác	đối tác		2	
	b) Số đối tác trong nước ký thỏa thuận hợp tác	đối tác		4	
IV	TỔ CHỨC NHÂN SỰ				
4.1	Bộ máy tổ chức				
	Số đơn vị được thành lập mới	ĐV	1		
4.2	Công tác bổ nhiệm				
	Chức danh BGH, Trưởng khoa, phòng, trung tâm, viện	Ng	3		
	Chức danh Phó Trưởng khoa, phòng, trung tâm, viện	Ng	3	3	
4.3	Thu hút và tuyển dụng cán bộ				
	Tuyển lãnh đạo quản lý	Ng	3	1	
	Tuyển GV có trình độ Tiến sĩ	Ng	12	20	
	Tuyển GV có trình độ Thạc sĩ	Ng	20	30	
	Tuyển cán bộ nhân viên làm công tác chuyên môn	Ng	7	5	

4.4	Đào tạo, bồi dưỡng và phát triển cán bộ				
	Cử cán bộ, giảng viên đi học Thạc sĩ trở lên	CB	4	1	
	Cán bộ, giảng viên đã hoàn thành chương trình đào tạo và được cấp bằng từ Thạc sĩ trở lên	CB	3		
	Cử hoặc tổ chức để cán bộ, giảng viên, nhân viên tham gia các khóa bồi dưỡng và phát triển chuyên môn	lượt	28		
V	TRUYỀN THÔNG				
5.1	Truyền thông				
	a) Số sự kiện PR được tổ chức	sự kiện	41	12	
	b) Số tin/ bài đăng trên website khác	tin/bài	258	54	
5.2	Hoạt động công tác đoàn và phong trào trọng tâm	CT	8	8	
5.3	Các hoạt động thiện nguyện	Số HĐ	7	10 - 15	
VI	ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG				
6.1	Kiểm định chất lượng				
	a) Báo cáo tự đánh giá đơn vị theo kiểm định của Bộ	BC			
	b) Số CTĐT được tự đánh giá (nội bộ) hướng tới kiểm định chất lượng theo AUN	CT			
6.2	Khảo thí				
	Số ngân hàng câu hỏi thi tự luận	ngân hàng	10	15	
	Ngân hàng câu hỏi thi trắc nghiệm cho đại học chính quy	ngân hàng	06	05	
	Số bộ đề thi được xây dựng mới	bộ đề			
6.3	Điều tra, khảo sát				

a) Số cuộc điều tra khảo sát người học về hoạt động giảng dạy	cuộc	4	4	
b) Số cuộc điều tra khảo sát cựu sinh viên về việc làm	cuộc	1	1	
c) Số cuộc điều tra SV về cơ sở vật chất phục vụ học tập	cuộc	1	1	
d) Khảo sát bạn đọc về thư viện	%	1	1	

IV. CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

4.1. Xây dựng kế hoạch tuyển sinh dựa trên niềm tin của người học đối với Nhà trường. Xây dựng các chế độ khuyến khích, đãi ngộ phù hợp để thu sinh viên giỏi, đặc biệt đối với sinh viên khối ngành chăm sóc sức khỏe.

4.2. Tăng cường truyền thông gắn với hoạt động tư vấn tuyển sinh tại các trường THPT nhằm quảng bá Nhà trường, định hướng nghề nghiệp cho học sinh. Xây dựng các kế hoạch tuyển sinh online, offline và qua các đối tác trung tâm

4.3. Tiếp tục tạo dựng môi trường làm việc thuận lợi, phát huy tinh thần văn hoá cộng đồng và phát triển thương hiệu của nhà trường.

4.4. Tổ chức điều chỉnh các chương trình đào tạo để đáp ứng tốt nhất nhu cầu xã hội và phù hợp với phương thức đào tạo theo tín chỉ, hướng đến việc tiệm cận với trình độ các trường đại học tiên tiến khu vực và thế giới

4.5. Xây dựng cơ chế chính sách ưu đãi về học phí, học bổng đối với sinh viên nước ngoài đến học tập ở Trường Đại học Đại Nam và cơ chế trao đổi sinh viên với các trường đại học ở nước ngoài

4.6. Tăng cường tính chuyên nghiệp của các phòng, ban và bộ phận trong trường từ đào tạo, NCKH, HTPT cho tới Website, Tạp chí, HCTH, KHTC...thông qua các khoá tự đào tạo và đào tạo tại chỗ...

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

5.1. Kế hoạch nhiệm vụ năm học 2016 - 2017 được quán triệt tới tất cả các đơn vị, cán bộ, sinh viên của Trường Đại học Đại Nam.

5.2. Trưởng các Phòng/Ban/Bộ phận/ Khoa/ Trung tâm tổ chức triển khai thực hiện theo đúng lộ trình và sản phẩm cam kết.

5.3. Định kỳ hàng tháng/ quý/ năm các Phòng/ Bộ phận chức năng/Trung tâm gửi báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch theo mảng hoạt động đơn vị về Phòng Hành chính – Quản trị để tổng hợp báo cáo Hiệu trưởng.

5.4. Ban giám hiệu chỉ đạo quyết liệt, tổ chức và giám sát thực hiện dứt điểm từng nhiệm vụ, phân đầu đạt chỉ tiêu KHNV đã đề ra.

5.5. Trong quá trình thực hiện KHNV năm học, nếu có vấn đề phát sinh, các đơn vị cần báo cáo Ban Giám hiệu kịp thời để chỉ đạo và giải quyết.

Nơi nhận:

- HĐQT, BGH (để b/c);
- Các Phó HT (chỉ đạo thực hiện);
- Các Khoa/ Trung tâm/ Phòng/ Ban/ Bộ phận (thực hiện);
- Lưu: VT.



PGS.TS Phan Trọng Phúc